

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **101 /2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 27-12-2022
V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thanh Phương
2. Ông Hoài Đức Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 457/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1089A/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đào Thị Thanh H, sinh năm 1988; HKTT: Ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay: Khu 14, xã L, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Anh Phan Tấn T, sinh năm 1983; Địa chỉ: 1725/3, tổ 14, ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai

(Anh T, chị H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn chị Đào Thị Thanh H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Phan Tấn T tự nguyện chung sống vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 quyển số 01/2013 ngày 05/6/2013).

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau và không thể giải quyết được mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T không lo làm ăn và thường xuyên đánh đập chị H, nhận thấy vợ chồng có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau chị H, anh T có 02 con chung là Phan Đào Trường S, sinh ngày 17/11/2014 và Phan Đào Thành C, sinh ngày 15/02/2018. Ly hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Đào Trường S và Phan Đào Thành C, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết

**** Bị đơn anh Phan Văn T trình bày:***

- Anh T và chị Đào Thị Thanh H tự nguyện chung sống và kết hôn năm 2013 tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 quyền số 01/2013 ngày 05/6/2013. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, có lần trong lúc nóng giận anh T đã đánh chị H. Tại phiên tòa, nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn lại tình cảm nên chị H yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống với nhau chị H, anh T có 02 con chung là cháu Phan Đào Trường S, sinh ngày 17/11/2014 và Phan Đào Thành C, sinh ngày 15/02/2018. Tại phiên tòa, anh đồng ý giao hai con chung là Phan Đào Trường S và Phan Đào Thành C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh T tạm thời không cấp dưỡng cho con.

- Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:***

- Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải, việc tuân theo pháp luật của đương sự và của hội đồng xét xử đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Chị Đào Thị Thanh H và anh Phan Tấn T tự nguyện chung sống vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P,

huyện N, tỉnh Đồng Nai (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 quyền số 01/2013 ngày 05/6/2013). Quá trình chung sống anh T, chị H có 02 con chung là Phan Đào Trường S, sinh ngày 17/11/2014 và Phan Đào Thành C, sinh ngày 15/02/2018. Nguyên nhân mâu thuẫn theo các đương sự khai là do bất đồng quan điểm sống nên bất hòa. Nay chị H xin ly hôn, anh T đồng ý. Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, chị H, anh T có mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án theo pháp luật.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Đào Thị Thanh H yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Phan Tấn T. Tại đơn khởi kiện (có xác nhận của địa phương), các tài liệu liên quan và lời khai của các đương sự xác định anh T cư trú và sinh sống tại ấp 1, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Quan hệ pháp luật được xác định “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Đào Thị Thanh H, bị đơn là anh Phan Tấn T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đào Thị Thanh H và anh Phan Tấn T tự nguyện chung sống vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai (được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 quyền số 01/2013 ngày 05/6/2013). Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000 thì hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay chị H xin ly anh T vì mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nhận thấy: Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn theo chị H và anh T khai là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi nhau dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H mong muốn được ly hôn với anh T, anh T đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã diễn ra căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, thấy nguyện vọng xin ly hôn của chị H là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy cần xử cho chị H được ly hôn với anh T.

[4]. Về con chung: Trong quá trình chung sống chị H, anh T có 02 con chung là Phan Đào Trường S, sinh ngày 17/11/2014 và Phan Đào Thành C, sinh ngày 15/02/2018. Hiện hai con đang ở cùng chị H các con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Tại phiên tòa, chị H, anh T thỏa thuận giao hai cháu Sơn và cháu Công cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các bên, hơn nữa sự thỏa thuận này phù hợp với nguyện vọng của các con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con trẻ, thuận lợi cho cả hai bên nên xét cần giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh T được quyền thăm nom con sau khi đã ly hôn. Về cấp dưỡng: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Tài sản chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết

[6]. Nợ chung: Các đương sự khai không có nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết

[7]. Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 264, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2000, Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đào Thị Thanh H về việc “Ly hôn, nuôi con chung” đối với bị đơn anh Phan Văn T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị Thanh H được ly hôn anh Phan Văn T.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Đào Thị Thanh H nuôi con chung là cháu Phan Đào Trường S, sinh ngày 17/11/2014 và Phan Đào Thành C, sinh ngày 15/02/2018. Tạm thời anh T không phải cấp dưỡng cho con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi của con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Chị Đào Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 00008345 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai. Chị H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Đào Thị Thanh H và anh Phan Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Tiến Nghĩa